

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân khai kinh phí quy hoạch năm 2021 (vốn sự nghiệp)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XII KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Xét Tờ trình số 15 /TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân khai kinh phí quy hoạch năm 2021 (vốn sự nghiệp); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân khai kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch năm 2021 cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố là 20.000 triệu đồng, trong đó:

a) Kinh phí bố trí trả nợ và thực hiện quy hoạch chuyển tiếp: 14.000 triệu đồng.

b) Kinh phí bố trí quy hoạch mới: 6.000 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

c) Nguồn kinh phí tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh là 20.000 triệu đồng.

d) Ngân sách tỉnh chỉ bố trí kinh phí lập quy hoạch mới do UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức lập trong năm 2021, các năm tiếp theo bố trí kinh phí lập quy hoạch đô thị theo phân cấp nhiệm vụ chi mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Đối với Quy hoạch phân khu 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 và Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất Sa Huỳnh (đoạn Thành phố Quảng Ngãi – Đức Phổ) thì quá trình tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thực hiện theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS (01).ptth.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



PHỤ LỤC

NEU CẦU KINH PHÍ QUY HOẠCH NĂM 2021 (vốn sự nghiệp)
(theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án quy hoạch	Chủ đầu tư	Cấp phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự toán	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Loại dự án được duyệt	Tổng vốn đã chi trả hết năm 201	Năm 2018		Tổng vốn đã chi trả hết năm 2018	Năm 2019		Kinh phí bổ trợ năm 2020 (QĐ 468/QĐ-UBND ngày 31/7/2020)	Tổng vốn đã chi trả hết năm 2020	Nhu cầu kinh phí quy hoạch năm 2021	Đề xuất bổ trợ kinh phí năm 2021	Ghi chú
									Kế hoạch	Thực hiện		Kế hoạch	Thực hiện					
	Quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh																	
	Tổng						113.689	2.080	2.200	2.200	4.280	5.400	4.362	18.964	28.644	74.529	20.000	
I	Trả nợ đối với quy hoạch đã thực hiện xong						14.701	2.080	2.000	2.000	4.080	2.900	2.685	4.464	11.444	3.258	3.258	
I	Quy hoạch chi tiết công viên trung tâm thành phố Quảng Ngãi	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	177/QĐ-UBND ngày 27/2/2017; 364/QĐ-UBND ngày 29/5/2017	592/QĐ-UBND ngày 09/7/2018		3.164	380	500	500	880	1.700	1.515	464	3.044	120	120	
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phần còn lại của xã Tịnh Khê và xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	987/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	40/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	2018-2019	5.865				-	700	699	2.500	3.200	2.665	2.665	
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị trung tâm phía Bắc thành phố Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	UBND tỉnh	572/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh	678/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	2017-2018	5.672,51	1.700	1.500	1.500	3.200	500	471,16	1.500	5.200	473	473	
II	Quy hoạch chuyển tiếp						32.628	-	200	200	200	2.500	1.677	14.500	17.200	15.427	10.742	
II.1	Quy hoạch xây dựng, đô thị						28.894	-	-	-	-	2.100	1.277	13.500	15.600	13.293	10.334	
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	UBND tỉnh	46/QĐ-UBND ngày 21/01/2020		2019-2020	2.814					300	-	2.000	2.300	514	514	
2	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phía Tây phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	UBND tỉnh	84/QĐ-UBND ngày 06/02/2020		2019-2020	2.122,506					300	-	1.500	1.800	323	323	
3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Sơn Tịnh	UBND tỉnh	997/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh		2020-2021	1.874,6					300	300	1.000	1.300	575	575	
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trung tâm đô thị Phố Hòa	UBND thị xã Đức Phổ	UBND tỉnh	956/QĐ-UBND ngày 06/12/2019			3.399,550				-	200	157,2	1.500	1.700	1.700	500	
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trung tâm đô thị Phố Quang, huyện Đức Phổ	UBND thị xã Đức Phổ	UBND tỉnh	953/QĐ-UBND ngày 06/12/2019			3.742,393				-	200	165,6	1.500	1.700	2.042	2.042	
6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trung tâm đô thị Phố Văn, huyện Đức Phổ	UBND thị xã Đức Phổ	UBND tỉnh	957/QĐ-UBND ngày 06/12/2019			3.788,348				-	200	167,0	1.500	1.700	2.088	2.088	

TT	Tên dự án quy hoạch	Chủ đầu tư	Cấp phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự toán	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt/ Khái toán	Tổng vốn đã bố trí hết năm 2017	Năm 2018		Tổng vốn đã bố trí hết năm 2018	Năm 2019		Kinh phí bố trí năm 2020 (QĐ 468/QĐ-UBND ngày 31/7/2020)	Tổng vốn đã bố trí hết năm 2020	Nhu cầu kinh phí quy hoạch năm 2021	Đề xuất bố trí kinh phí năm 2021	Ghi chú
									Kế hoạch	Thực hiện		Kế hoạch	Thực hiện					
7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trung tâm đô thị phía Bắc thị trấn Đức Phổ	UBND thị xã Đức Phổ	UBND tỉnh	955/QĐ-UBND ngày 06/12/2019			4.398,327				-	200	182,2	1.500	1.700	2.698	2.098	
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trung tâm đô thị phía Đông thị trấn Đức Phổ	UBND thị xã Đức Phổ	UBND tỉnh	954/QĐ-UBND ngày 06/12/2019			3.394,655				-	200	156,8	1.500	1.700	1.694	1.694	
9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm thị trấn Đức Phổ (điều chỉnh)	UBND thị xã Đức Phổ	UBND tỉnh	962/QĐ-UBND ngày 06/12/2019			3.359,666				-	200	148,5	1.500	1.700	1.660	500	
II.2	Quy hoạch ngành, lĩnh vực						3.734	-	200	200	200	400	400	1.000	1.600	2.134	408	
1	Rà soát chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND tỉnh	Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh		2017-2018	3.734	-	200	200	200	400	400	1.000	1.600	2.134	408	
III	Quy hoạch mới						66.360	-	-	-	-	-	-	-	-	55.844	6.000	
III.1	Quy hoạch xây dựng, đô thị						66.360	-	-	-	-	-	-	-	-	55.844	6.000	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	UBND huyện Bình Sơn	UBND tỉnh			2021-2022	4.397									4.397	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
2	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	UBND tỉnh			2021-2022	3.900									3.900	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh

TT	Tên dự án quy hoạch	Chủ đầu tư	Cấp phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự toán	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt/ Khái toán	Tổng vốn đã bố trí hết năm 2017	Năm 2018		Tổng vốn đã bố trí hết năm 2018	Năm 2019		Kinh phí bổ tri năm 2020 (QĐ 468/QĐ-UBND ngày 31/7/2020)	Tổng vốn đã bố trí hết năm 2020	Nhu cầu kinh phí quy hoạch năm 2021	Đề xuất bổ tri kinh phí năm 2021	Ghi chú
									Kế hoạch	Thực hiện		Kế hoạch	Thực hiện					
3	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Ba Vi, huyện Ba Vì	UBND huyện Ba Vì	UBND tỉnh			2021-2022	3.700									3.700	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
4	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa	UBND huyện Tư Nghĩa	UBND tỉnh			2021-2022	3.904									3.904	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	UBND huyện Tư Nghĩa	UBND tỉnh			2021-2022	3.667									3.667	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
6	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức	UBND tỉnh			2021-2022	3.900									3.900	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
7	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Thạch Trụ, huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức	UBND tỉnh			2021-2022	3.500									3.500	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
8	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nam Sông Vệ, huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức	UBND tỉnh			2021-2022	3.300									3.300	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
9	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành	UBND tỉnh			2021-2022	3.700									3.700	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
10	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Minh Long, huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long	UBND tỉnh			2021-2022	3.200									3.200	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
11	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	UBND huyện Sơn Hà	UBND tỉnh			2021-2022	4.500									4.500	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh

TT	Tên dự án quy hoạch	Chủ đầu tư	Cấp phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự toán	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt/ Khái toán	Tổng vốn đã bố trí hết năm 2017	Năm 2018		Tổng vốn đã bố trí hết năm 2018	Năm 2019		Kinh phí bổ trí năm 2020 (QĐ 468/QĐ-UBND ngày 31/7/2020)	Tổng vốn đã bố trí hết năm 2020	Nhu cầu kinh phí quy hoạch năm 2021	Đề xuất bổ trí kinh phí năm 2021	Ghi chú
									Kế hoạch	Thực hiện		Kế hoạch	Thực hiện					
12	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	UBND tỉnh			2021-2022	3.600								0	3.600	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
13	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi, tỷ lệ 1/2000	UBND thành phố Quảng Ngãi	UBND tỉnh			2021-2022	6.460								0	1.292	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
14	Điều chỉnh quy hoạch chung Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh	UBND huyện Sơn Tịnh	UBND tỉnh			2021-2022	3.700									3.700	200	Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
15	Quy hoạch phân khu 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.	Sở Xây dựng	UBND tỉnh			2021-2022	2.584									2.584	1.200	Công văn số 6423/UBND-CN XD ngày 22/12/2020, Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh
16	Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất Sa Huỳnh (đoạn TPQN - Đức Phổ)	Sở Xây dựng	UBND tỉnh			2021-2022	8.348									3.000	2.000	Thông báo số 04/TB-UBND ngày 10/01/2019; Công văn số 961/UBND-CN XD ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh